

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2019/HNGĐ-ST

Ngày 05-11-2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Ông Nguyễn Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Dương Chí T, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Tăng Phụng K, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2019 và tại phiên tòa, anh Dương Chí T trình bày: Vào tháng 3 năm 2006 anh và chị Tăng Phụng K chung sống như vợ chồng, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp và thường xuyên tranh cãi với nhau, giữa vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Tăng Phụng K. Về con chung, có hai người tên là Dương Khải L (giới tính nam), sinh ngày 18 tháng 3 năm 2007 và Dương Thái N (giới tính nam), sinh

ngày 24 tháng 01 năm 2013, hiện do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh yêu cầu tiếp tục nuôi cả hai người con chung, anh không yêu cầu chị Tăng Phượng K cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Tăng Phượng K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của anh Dương Chí T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 14, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận anh Dương Chí T và chị Tăng Phượng K là vợ chồng. Về con chung, giao hai người con chung cho anh Dương Chí T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Tăng Phượng K không cấp dưỡng nuôi con. Về án phí buộc anh Dương Chí T phải chịu theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc anh Dương Chí T xin ly hôn chị Tăng Phượng K là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, chị Tăng Phượng K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Tăng Phượng K là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, anh Dương Chí T và chị Tăng Phượng K sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa anh Dương Chí T và chị Tăng Phượng K vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào quy định tại các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa anh Dương Chí T và chị Tăng Phượng K không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh Dương Chí T và chị Tăng Phượng K không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung, có hai người tên là Dương Khải L (giới tính nam), sinh ngày 18 tháng 3 năm 2007 và Dương Thái N (giới tính nam), sinh ngày 24 tháng 01 năm 2013, anh Dương Chí T yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Chị Tăng Phượng K không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của anh Dương Chí T. Đồng thời, con chung cũng có nguyện vọng được sống với anh Dương Chí T. Nhằm ổn định cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên, nên giao cho anh Dương Chí T được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai người con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Dương Chí T là không yêu cầu chị Tăng Phượng K cấp dưỡng nuôi con.

[4] Anh Dương Chí T xác định tài sản chung và nợ chung không có, chị Tăng Phượng K không có ý kiến, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Dương Chí T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên bố: Không công nhận anh Dương Chí T và chị Tăng Phụng K là vợ chồng.

2. Về con chung, giao cho anh Dương Chí T chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên là Dương Khải L (giới tính nam), sinh ngày 18 tháng 3 năm 2007 và Dương Thái N (giới tính nam), sinh ngày 24 tháng 01 năm 2013. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Dương Chí T không yêu cầu chị Tăng Phụng K cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tăng Phụng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Dương Chí T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019252, ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Dương Chí T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Dương Chí T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Tăng Phụng K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương